TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2024/DS - ST
Ngày 30/9/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**.
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**.
Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 111/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111A/2024/QĐST-HPT ngày 16/9/2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP T .** Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà T Bank, số 5x phố L, phường T, quận H, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh P** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP T. Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Văn L, ông Nguyễn Mạnh H, bà Hồ Thị Thanh N, bà Trương Thị H, ông Lê Văn Đ, ông Đinh Văn N – Chức vụ: chuyên viên T bank theo Giấy ủy quyền số 05/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/10/2023 của ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP T và Giấy ủy quyền số 778/2024/GUQ-TPB.DR ngày 09/7/2024. Bà H có mặt.

***- Bị đơn*:** Ông **Trần Văn D** – sinh năm: 199x và bà **Nguyễn Thị Thanh T** – Sinh năm: 199x. Cùng địa chỉ: Tổ 7x phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Hồ Công M –** sinh năm: 195x. Địa chỉ: Số 3x đường Lê Văn L, phường Thanh B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông **Lê Thanh P**- Sinh năm: 197x - Trú tại: 305/19 T, quận T, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh T đã vay vốn tại TxBank theo các hợp đồng tín dụng sau:

a, Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 189/2020/HDTD/HCU/01 ngày 16/07/2020. cụ thể:

- Số tiền vay: 400.000.000 đồng;
- Mục đích: vay mua xe ô tô tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
- Ngày giải ngân: 16/07/2020;
- Lãi suất: lãi suất áp dụng kể từ ngày 16/07/2020 cho đến ngày 16/07/2021 là 8.9%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 16/07/2026: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12M* của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.2%/năm.
- Lịch trả nợ: Trả nợ gốc nhiều lần theo lịch trả nợ do TxBank gửi Khách hàng. trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15.
- Phí trả nợ trước hạn: theo quy định của TxBank.

b, Hợp đồng cho vay số 189/2020/HDTD/HCU/02 ngày 16/07/2020 và được TPBank giải ngân cụ thể:

- Số tiền vay: 12.000.000 đồng;
- Mục đích vay: thanh toán phí bảo hiểm an tâm tín dụng;
- Ngày gải ngân: 16/07/2020;
- Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân
- Lãi suất: lãi suất áp dụng kể từ ngày 16/07/2020 cho đến ngày 16/07/2021 là 8.9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 16/07/2026: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 M* của TxBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.2%;
- Lịch trả nợ: trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần theo lịch của TxBank. trả lãi vào ngày 15 hàng tháng.
- Phí trả nợ trước hạn: theo quy định của TxBank.

c, Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TxBank kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 24/07/2020 với hạn mức 100.000.000 đồng và được TxBank chấp thuận.

Thông tin tài sản bảo đảm:

Để bảo đảm cho các khoản vay trên. ông D. bà T đã tự nguyện thế chấp tài sản theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 189/2020/HDTD/HCU/01 ngày 16/07/2020 là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI SWIFT GLX CTV. màu trắng. số khung MMSDZC63SLR901xxx, số máy K12MS1044xxx, biển kiểm soát 43A-559.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0938xx do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/07/202x đứng tên Nguyễn Thị Thanh T. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình vay vốn, ngày 20/9/2024 ông D, bà T đã nộp 250.000.000 đồng để thanh toán khoản vay theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 189/2020/HDTD/HCU/01 ngày 16/7/2020, Hợp đồng cho vay số 189/2020/HDTD/HCU/02 ngày 16/07/2020 và giải chấp tài sản là xe ô tô BKS 43A-559.xx và thanh toán một phần khoản vay thẻ tín dụng. Do vậy, Ngân hàng đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 189/2020/HDTD/HCU/01 ngày 16/7/2020, Hợp đồng cho vay số 189/2020/HDTD/HCU/02 ngày 16/07/2020. Không yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản đối với xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI SWIFT GLX CTV. màu trắng. số khung MMSDZC63SLR901xxx, số máy K12MS1044xxx, biển kiểm soát 43A-559.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0938xx do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/07/202x.

Tổng dự nợ khoản vay thẻ tín dụng tạm tính đến kỳ sao kê ngày 11/9/2024 là 192.084.355 đồng, ngày 20/9/2024 đã thanh toán được 26.508.072 đồng, tổng dư nợ tạm tính đến ngày 20/9/2024 là **165.576.283 đồng**.

TxBank kính đề nghị Tòa án nhân quận N, thành phố Đà Nẵng xem xét. giải quyết theo đúng quy định của pháp luật:

- Buộc ông D, bà T thanh toán ngay cho TxBank tổng số tiền (tạm tính đến ngày 20/9/2024) là: 165.576.283 đồng.

- Buộc ông D, bà T phải thanh toán các khoản phát sinh (lãi, lãi phạt, phí phạt) trên tổng số tiền chưa thanh toán theo lãi suất đã thoả thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi ông D, bà T thanh toán hết khoản nợ cho TPBank.

**** Quá trình giải quyết vụ án- bị đơn ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T có ý kiến:*** Xác nhận tính đến ngày 06/8/2024 vợ chồng ông D còn nợ Ngân hàng số tiền 386.212.327 đồng (gốc: 200.247.414 đồng và lãi: 28.273.574 đồng, nợ thẻ: 157.691.339 đồng). Sau khi vay do làm ăn khó khăn nên chậm trả lãi và gốc, do đó ông xin Ngân hàng giảm bớt tiền lãi cho vợ chồng ông. Hiện nay, ông D đang bị tạm giam trong vụ án hình sự khác, bà T xác định không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, xe này bà T đã giao cho ông P đang giữ vì trước đây vợ chồng bà có mượn tiền của ông P để làm ăn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Lê Thanh P trình bày:***

Ông P và ông Trần Văn D là bạn bè xã hội. Vào năm 2021, ông Trần Văn D cần mượn số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), ông đã nhờ ông Hồ Công M cho ông D mượn tiền. Để đảm bảo cho việc mượn này, ông D có viết giấy cầm cố 01 chiếc xe ô tô SUZUKI SWIFT GLX CVT; màu trắng; số khung MMSDZC63SLR901xxx; Số máy K12MS1044xxx; biển kiểm soát 43A-559.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0938xx do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/07/202x cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Ông D cam kết hẹn đến ngày 10/01/2022, ông D sẽ trả số tiền trên cho ông, trường hợp nếu đến ngày đó mà ông D không trả tiền thì ông D sẽ giao xe cho ông. Đến hết thời hạn cam kết, ông D vẫn không trả được tiền cho ông và cũng không giao xe cho ông.

Suốt thời gian đó thì ông D và bà T vẫn sử dụng xe. Lúc này thì ông M cũng đã gặp ông và đòi ông nhiều lần. Sau khi ông D bị bắt đi tù vào năm 2024 thì bà T đem xe lên giao cho ông và mượn ông thêm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Sau đó thì ông gọi ông M lên lấy xe mang về sử dụng. Khi bà T giao xe thì ông nge bà T nói là xe này đang bị thế chấp tại ngân hàng. Trước đây khi cho ông D mượn tiền thì ông không biết xe này bị thế chấp Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông D và bà T yêu cầu trả số tiền tính đến ngày 06/8/2024 là 386.212.327 đồng, trong đó, gốc là 200.247.414 đồng; lãi là 28.273.574 đồng; nợ thẻ là 157.691.339 đồng. Trường hợp ông D và bà T không trả được thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nói trên, thì ý kiến ông như sau: Việc này phụ thuộc vào nguyện vọng của ông M, ông hoàn toàn ủng hộ ý kiến của ông M.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Hồ Công M trình bày:***

Ông không quen biết ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh T, tuy nhiên cháu ông là Lê Thanh P – sinh năm 197x, trú tại: 305/1x T, quận T, thành phố Đà Nẵng có mối quan hệ bạn bè với ông D và bà T. Vào năm 2021, ông P có nhờ ông bỏ tiền cho ông P mượn nhằm mục đích là ông P cho ông Trần Văn D mượn lại số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) (việc ông P mượn tiền của ông rồi cho ông D mượn thì ông không hề biết, ông chỉ biết ông P mượn vì công việc riêng, sau này ông mới biết). Để đảm bảo cho việc mượn này, ông D có viết giấy cầm cố 01 chiếc xe ô tô SUZUKI SWIFT GLX CVT; màu trắng; số khung MMSDZC63SLR901xxx; Số máy K12MS1044xxx; biển kiểm soát 43A-559.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0938xx do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/07/202x cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ông D cam kết hẹn đến ngày 10/01/2022, ông D sẽ trả số tiền trên cho ông P, trường hợp nếu đến ngày đó mà ông D không trả tiền thì ông D sẽ giao xe cho ông P. Đến hết thời hạn cam kết, ông D vẫn không trả được tiền cho ông P và cũng không giao xe cho ông P. Suốt thời gian đó thì ông D và bà T vẫn sử dụng xe.

Do ông nóng ruột cần thu hồi lại tiền và nhiều lần đòi ông P trả tiền, thì lúc đó ông mới biết là ông P lấy tiền đó cho ông D mượn. Nên sau khi ông D bị bắt đi tù vào năm 2024 thì bà T đem xe lên giao cho ông P và mượn ông P thêm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Sau đó thì ông P gọi ông lên lấy xe mang về sử dụng.

Khi sử dụng xe thì ông không biết xe này đang bị thế chấp tại ngân hàng, do tin tưởng ông P nên ông cũng không hỏi về giấy tờ xe. Ông mới biết sự việc này cách đây vài ngày.

Nay Ngân hàng khởi kiện ông D và bà T yêu cầu trả số tiền tính đến ngày 06/8/2024 là 386.212.327 đồng, trong đó, gốc là 200.247.414 đồng; lãi là 28.273.574 đồng; nợ thẻ là 157.691.339 đồng thì ông đồng ý trả thay cho ông D và bà T số tiền nợ liên quan đến việc thế chấp xe. Ông xin giảm 50% lãi, đối với nợ thẻ thì ông không đồng ý trả. Nếu ngân hàng đồng ý thì ông sẽ trả số tiền như trên và đề nghị Ngân hàng giao giấy tờ gốc của xe cho ông.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với

các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) đối với ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T. Ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP T (T Bank) số tiền **165.576.283 đồng** (tính đến ngày 20/9/2024); buộc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục trả lãi phát sinh kể ngày 21/09/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) đối với ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T về việc tranh chấp Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 189/2020/HDTD/HCU/01 ngày 16/7/2020 và Hợp đồng cho vay số 189/2020/HDTD/HCU/02 ngày 16/07/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) và ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T là *tranh chấp hợp đồng tín dụng*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố), ông Hồ Công M, ông Lê Thanh P (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với với Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 189/2020/HDTD/HCU/01 ngày 16/7/2020, Hợp đồng cho vay số 189/2020/HDTD/HCU/02 ngày 16/07/2020. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) và ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T ký ngày 24/7/2020, có nội dung: Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Văn D (chủ thẻ chính), bà

Nguyễn Thị Thanh T (chủ thẻ phụ) với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng, để tiêu dùng cá nhân, lãi suất được tính theo biểu phí do TPBank công bố trong từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho ông theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Khoản 1 Điều 6 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Đến ngày 11/10/2023 ông D, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 20/09/2024, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T còn nợ ngân hàng các khoản sau: **165.576.283 đồng** (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng). Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả toàn bộ khoản nợ nói trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 21/09/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 24/7/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) với ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 11/10/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Như vậy, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền **165.576.283 đồng** (tính đến ngày 20/9/2024) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 21/9/2024 trên số dư nợ theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 24/7/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) được chấp nhận nên bị đơn là ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu là 8.278.814 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) số tiền tạm ứng án phí 8.162.000 đồng theo biên lai thu số 3344 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS;
- Căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) đối với ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) đối với ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T về việc tranh chấp Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 189/2020/HDTD/HCU/01 ngày 16/7/2020 và Hợp đồng cho vay số 189/2020/HDTD/HCU/02 ngày 16/07/2020.

Xử: Buộc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) số tiền **165.576.283 đồng** *(Một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng)* (tính đến ngày 20/9/2024).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 21/9/2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 24/7/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi ông Trần Văn Duy, bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ thanh toán xong khoản nợ.

3. Án phí DS - ST: 8.278.814 đồng ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T (Tx Bank) số tiền tạm ứng án phí 8.162.000 đồng theo biên lai thu 3344 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trâm